

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1085/2022/DS-ST**

Ngày: 18/7/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

☐ ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Út**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thanh Xuân**

Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

☐ ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

☐ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà **Hà Thị Thúy Hằng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, **số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/DSST ngày 15/01/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2324/2022/QĐST-DS ngày 14/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8477/2022/QĐ-ST ngày 01/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**

Trụ sở: 266 – **B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Bích Thanh T**; địa chỉ liên lạc: **Lầu E, B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh**; là người đại diện theo ủy quyền.

- *Bị đơn:* Ông **Ahmad Azlan Bin Z**, sinh ngày 03/9/1959

Quốc tịch: Malaysian; Hộ chiếu số: A21204605 (hộ chiếu cũ A14642464)

Địa chỉ: **H J, T, Malaysia.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do bà Nguyễn Bích Thanh T là người đại diện hợp pháp trình bày:**

Ngày 26/02/2009 ông Ahmad Azlan Bin Z ký với Ngân hàng TMCP S (S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1 – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Ahmad Azlan Bin Z, S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng (số thẻ 464932-7633) ông Z đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 1.025.251.004 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ ông Ahmad Azlan Bin Z đã thanh toán cho S1 số tiền 1.212.258.954 đồng, số tiền còn thiếu ông không thanh toán đủ S1 đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện thuận lợi. Do ông Z vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) nên ngày 26/9/2016 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 24.912.561 đồng sang nợ quá hạn. Lãi trong hạn là 2,15%; lãi quá hạn là $2,15 \times 150\% = 3,225\%$ theo Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Do đó để bảo vệ quyền lợi hợp pháp Ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Ahmad Azlan Bin Z phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền sau:

- Tiền nợ gốc là 24.912.561 đồng;
- Tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 13/6/2022 là 55.891.947 đồng;
- Tiền lãi phát sinh từ ngày 14/6/2022 cho đến khi ông Ahmad Azlan Bin Z trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*** Bị đơn – ông Ahmad Azlan Bin Z:** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Tại phiên tòa:**

- Bà Nguyễn Bích Thanh T: vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt
- Ông Ahmad Azlan Bin Z: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:**

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật, bị

đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán dù đã được Ngân hàng nhắc nhiều lần, ngày 26/09/2019 ngân hàng đã chuyển khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại đối với toàn bộ dư nợ phù hợp với quy định trong hợp đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2019 Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Ahmad Azlan Bin Z thanh toán số tiền nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 26/02/2009. Do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn là ông Ahmad Azlan Bin Z mang quốc tịch Malaysia; căn cứ Công văn số 2624/QLXNC-P4 ngày 16/9/2019 và Công văn số 3176/QLXNC-P4 ngày 19/10/2020 cùng của Cục Q – Bộ C cung cấp thông tin cho Tòa án thì bị đơn xuất cảnh Việt Nam ngày 08/4/2013, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền Toà án nhân dân cấp tỉnh, cụ thể là Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ngày 13/6/2022 người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Bích Thanh T có Đơn xin vắng mặt, đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân các cấp do bà bận công việc. Đồng thời bà T xác định vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông Ahmad Azlan B Zulkifley biết về việc thụ lý vụ án, thông báo thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo thời gian mở phiên tòa thông qua thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của

Malaysia tại Công văn số 558/UTTPDS-TA30 ngày 14/10/2021; đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở **Toàn án nhân dân Thành phố H**. Tuy nhiên đến thời gian mở phiên tòa đã định vào ngày 01/7/2022 và ngày 18/7/2022 ông **Ahmad Azlan Bin Z** vắng mặt không có lý do chính đáng, không gửi cho Tòa án văn bản phản hồi ý kiến hay các tài liệu, chứng cứ liên quan.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S (S1)** về việc buộc ông **Ahmad Azlan Bin Z** trả số tiền nợ gốc là 24.912.561 đồng, tiền lãi quá hạn cho đến khi ông **Ahmad Azlan Bin Z** trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **S1** – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng) ngày 26/02/2009 giữa **S1** và ông **Ahmad Azlan Bin Z** thể hiện:

Ông **Ahmad Azlan Bin Z**, sinh ngày 03/9/1959; quốc tịch: Malaysian; hộ chiếu số: A14642464; địa chỉ thường trú: 86 **J, T, Malaysia**; địa chỉ tạm trú: AB3-6, **M, P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; được **S1** cấp thẻ tín dụng số 4649-3200-0035-7633 với hạn mức 100.000.000 đồng, sau đó được tăng hạn mức 200.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ bảng tóm tắt sao kê của **S1** thì ông **Ahmad Azlan Bin Z** bắt đầu thực hiện các giao dịch với thẻ tín dụng nêu trên từ tháng 4/2009, giao dịch cuối cùng với thẻ là vào tháng 8/2013. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt, ông **Ahmad Azlan Bin Z** đã thanh toán cho **S1** đều đặn vào Ngày đến hạn là ngày 25 hàng tháng, với số tiền tổng cộng 1.212.258.954 đồng. Kể từ tháng 6/2016 ông **Ahmad Azlan Bin Z** ngưng thanh toán số tiền nợ thẻ cho **S1** nên **S1** đã liên lạc, gửi thông báo nhắc nhở nhưng ông Z vẫn không có thiện chí đóng. Do ông **Ahmad Azlan Bin Z** đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền hàng tháng nên việc **S1** khởi kiện yêu cầu trả nợ là có cơ sở.

[2.1.1] Về tiền nợ gốc:

Lần cuối cùng ông **Ahmad Azlan Bin Z** thanh toán cho **S1** là vào tháng 5/2016 với số tiền 2.072.001 đồng, dư nợ còn lại là 22.176.792. Sau nhiều lần liên hệ, nhắc nhở nhưng ông **Ahmad Azlan Bin Z** không tiếp tục thanh toán tiền nợ thẻ tín dụng nên đến ngày 26/9/2016 **S1** đã tiến hành chấm dứt hợp đồng và chuyển khoản nợ của ông thành nợ quá hạn. Trong thời gian 04 tháng từ 26/5/2016

đến 25/9/2016 nguyên đơn vẫn có quyền tính lãi phát sinh và phí theo hợp đồng đã ký.

Tại Điều 23 bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP S** (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 21/9/2015 quy định: “Việc không thanh toán ít nhất Số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng Dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán... Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: - Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ; ... ”.

Do đó việc nguyên đơn xác định số tiền nợ gốc là toàn bộ tổng dư nợ được chốt tại thời điểm ngày 25/9/2016 với số tiền 24.912.561 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.1.2] Về lãi suất nợ quá hạn.

Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 4649-3200-0035-7633 được ký kết giữa **S1** và ông **Ahmad Azlan Bin Z** có thỏa thuận về lãi suất nên phải chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng. Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm thẻ **Ngân hàng S** thì kể từ ngày 06/7/2011 **S1** áp dụng mức lãi suất 2,15%/tháng đối với tất cả thẻ tín dụng quốc tế **S1** phát hành cho khách hàng. Theo Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng **S1** (hiệu lực từ 21/9/2015) thì “Khi sự kiện vi phạm xảy ra... Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại)...”, do đó lãi quá hạn là $2,15 \times 150\% = 3,225\%$ /tháng, tức 0,1075%/ngày. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất vay này phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn (theo Hợp đồng) trên nợ gốc 24.912.561 đồng kể từ ngày 26/9/2016 là có căn cứ. Tại biên bản hòa giải ngày 13/6/2022 bà **T** đại diện cho nguyên đơn đã tạm tính tiền lãi đến ngày 13/6/2022 với số tiền 55.891.947 đồng và yêu cầu bị đơn phải trả lãi tiếp tục từ ngày 14/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay. Do nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử sơ thẩm sẽ xác định tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm: buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 18/7/2022 với mức lãi suất 3,225%/tháng, tổng cộng 56.829.282 đồng. Ngoài ra ông **Ahmad Azlan Bin Z** còn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 19/7/2022 trở đi trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng đã ký kết là 3,225%/tháng.

[2.2] Xét thấy Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí ủy thác tư pháp với số tiền là 7.200.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng số tiền nêu trên nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008;
- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Ahmad Azlan Bin Z** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền nợ gốc là 24.912.561 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 18/7/2022 là 56.829.282 đồng, tổng cộng 81.741.843 (tám mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi một ngàn, tám trăm bốn mươi ba) đồng. Ông **Ahmad Azlan Bin Z** còn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 19/7/2022 trở đi trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng đã ký kết là 3,225%/tháng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là ông **Ahmad Azlan Bin Z** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.087.092 (bốn triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi hai) đồng.

Nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP S** được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.301.000 (một triệu, ba trăm lẻ một ngàn) đồng theo biên lai thu số 31493 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí ủy thác tư pháp với số tiền là 7.200.000 (bảy triệu hai trăm ngàn) đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng số tiền nêu trên nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TpHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Út

